

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

*Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.***Câu 1:** Phiên âm đúng của từ 钱包 là: qián_____āo.

- A. t B. f C. b D. p

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 尊敬 là: _____ūnjìng.

- A. z B. s C. zh D. sh

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 踊跃 là: y_____yuè.

- A. iǒng B. áo C. ǔng D. ǒng

Câu 4: Phiên âm đúng của từ 过去 là: g_____qù.

- A. ō B. ò C. uò D. uō

Câu 5: Phiên âm đúng của từ 最近 là: z_____jìn.

- A. òu B. uì C. uèi D. iù

Câu 6: Phiên âm đúng của từ 家乡 là: _____.

- A. jiāxiàng B. jiàxiàng C. jiàxiāng D. jiāxiāng

Câu 7: Phiên âm đúng của từ 辉煌 là: _____.

- A. huīhuàng B. huīhuáng C. huìhuáng D. huìhuàng

Câu 8: Phiên âm đúng của từ 茂盛 là: mào_____èng.

- A. zh B. s C. ch D. sh

*Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.***Câu 9:** 科学的论断必须以客观事实为_____。

- A. 衣剧 B. 依剧 C. 衣居 D. 依据

Câu 10: 这次竞赛的_____, 全凭大家的努力。

- A. 成攻 B. 城功 C. 诚功 D. 成功

Câu 11: 人类朋友们, 让我们积极行动起来, _____我们人类赖以生存的地球!

- A. 保户 B. 堡沪 C. 保佑 D. 保护

Câu 12: 学校不能_____对学生的道德教育。

- A. 忽备 B. 匆备 C. 葱略 D. 忽略

Câu 13: 我们必须_____投资环境, 吸引越来越多的海外投资者前来投资。

- A. 静化 B. 挣化 C. 净化 D. 争化

*Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.***Câu 14:** 今天排电影票的人很多, 好容易我才买到一张票。

- A. 很困难 B. 很烦乱 C. 很复杂 D. 很容易

Câu 15: 我看你们讲的都有道理, 不必再争论了。

- A. 不想 B. 不用 C. 不论 D. 不能

Câu 16: 这事使我别扭了老半天。

- A. 不满意 B. 不舒服 C. 不正常 D. 不顺利

Câu 17: 将土豆去皮后切成方块儿就行了。

- A. 用 B. 快要 C. 把 D. 马上

Câu 18: 这些东西一个箱子装不下。

- A. 不能安装 B. 不能容纳 C. 不能容忍 D. 不能带动

Câu 19: 尽管我再三地向他道歉，他还是没有原谅我。

- A. 五次 B. 三次 C. 多次 D. 两次

Câu 20: 在商业或私人交际中，无言也许是最好的选择之一。

- A. 交情 B. 交通 C. 交往 D. 交待

Câu 21: 你怎么又去玩了昵？我不是告诉你无论如何也得把今天的练习做完吗？

- A. 能 B. 想 C. 会 D. 要

Câu 22: 晚上一回到家，我立刻就下厨房开始忙活儿，炒菜、烧饭，忙得团团转。

- A. 很忙的样子 B. 转了很多圈 C. 很难转身 D. 转身的样子

Câu 23: 目前，印度人口在世界上仅次于中国。

- A. 少 B. 等 C. 差 D. 多

Câu 24: 光听别人说，自己不动脑筋是不行的。

- A. 自己不去思考 B. 摇头晃脑 C. 自己不必烦恼 D. 不动自己的头

Câu 25: 看到父亲态度那么坚决，他无可奈何地朝我笑了笑。

- A. 没有办法 B. 没有意见 C. 没有结果 D. 没有问题

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 26: 难怪今天大家不来上班，原来全公司都去头顿旅游了。

- A. 动词 B. 连词 C. 介词 D. 副词

Câu 27: 遵守时间、提高效率成了人们的新观念。

- A. 动词 B. 形容词 C. 名词 D. 代词

Câu 28: 他是第一次登台演讲，出点儿差错，这也难怪。

- A. 动词 B. 名词 C. 副词 D. 形容词

Câu 29: 这所医院是我国南方最有名的。

- A. 量词 B. 助词 C. 代词 D. 副词

Câu 30: 明天我们就这个问题进行讨论吧。

- A. 动词 B. 副词 C. 连词 D. 介词

Câu 31: 这篇文章写得还可以。

- A. 名词 B. 形容词 C. 数词 D. 动词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 32: _____他已经知道错了，你_____别再提这件事了，何必一棍子打死呢？

- A. 只要……就…… B. 虽然……却…… C. 既然……就…… D. 哪怕……都……

Câu 33: 今年暑假你妹妹_____去哪个国家留学？

- A. 终于 B. 总是 C. 究竟 D. 非常

Câu 34: 因为作弊，他_____取消了考试资格。

- A. 把 B. 被 C. 使 D. 令

Câu 35: 论文交给老师了，今晚可以_____睡觉了。

- A. 轻轻松松 B. 十分轻松 C. 轻轻松松地 D. 轻松轻松的

Câu 36: 小玲_____对工作有责任，_____非常关心别人。

- A. 即使……也…… B. 如果……就……
C. 虽然……但是…… D. 不但……而且……

- Câu 37:** 我们走进茶馆, 小姐很热情_____对我们说: “欢迎你们!”
 A. 地 B. 的 C. 得 D. 了
- Câu 38:** 这部小说_____很受欢迎, _____内容很有吸引力。
 A. 因而……所以…… B. 由于……所以……
 C. 之所以……是因为…… D. 是因为……之所以……
- Câu 39:** _____老师_____学生都来参加这次活动。
 A. 连……也…… B. 连……带…… C. 连……和…… D. 连……都……
- Câu 40:** 欢迎你_____到我家来做客。
 A. 往常 B. 往往 C. 常常 D. 时时
- Câu 41:** 这个不幸的消息先别对老人家讲, _____老人家受不了这个打击。
 A. 免得 B. 以至 C. 为了 D. 以便
- Câu 42:** 我们提倡, 中医和西医结合, _____取长补短, 共同发展。
 A. 互 B. 相 C. 各自 D. 每个
- Câu 43:** 这个问题提得_____突然, 请你让我想一想。
 A. 差点儿 B. 多一点儿 C. 有点儿 D. 一点儿
- Câu 44:** 经过一年的努力, 她的汉语口语好_____。
 A. 多了 B. 得多了 C. 得多 D. 多极了
- Câu 45:** 这件事_____讨论来讨论去, 也没做出什么决定。
 A. 人家 B. 大家 C. 自己 D. 本人
- Câu 46:** _____保持生态平衡, 严禁对森林过度采伐。
 A. 除了 B. 本着 C. 至于 D. 为了
- Câu 47:** 我和小阮_____是同事, _____彼此之间并不十分了解。
 A. 虽然……但是…… B. 既……又……
 C. 不仅……而且…… D. 因为……所以……
- Câu 48:** 凡在节日期间光临本店购物的顾客, 本店将为您准备一_____精美的礼物。
 A. 项 B. 把 C. 份 D. 条
- Câu 49:** _____春夏秋冬, 那里的气候都很好。
 A. 无论 B. 尽管 C. 即使 D. 任何
- Câu 50:** 这个问题不是一天两天就能解决的, _____我们再商量吧。
 A. 以后 B. 然后 C. 后来 D. 之后
- Câu 51:** 为了祖国, 他愿意献出自己的_____。
 A. 寿命 B. 命运 C. 命令 D. 生命
- Câu 52:** 你都病了好几天了, 怎么还不去医院_____?
 A. 吧 B. 呢 C. 吗 D. 啦
- Câu 53:** 艺术来源_____生活, 又高于生活。
 A. 于 B. 从 C. 在 D. 起
- Câu 54:** 大家可以坐_____发言, 不必站起来。
 A. 过 B. 着 C. 的 D. 了
- Câu 55:** 学生想_____越深入、越透彻, 他对知识的理解和掌握也就越深刻、越牢固。
 A. 地 B. 的 C. 得 D. 着
- Câu 56:** 老师和学生们都应该_____。
 A. 上准时课 B. 准时上课 C. 上课得准时 D. 上课准时
- Câu 57:** 这么多的内容, 一个晚上恐怕_____。
 A. 看得完 B. 看不完 C. 得看完 D. 不看完

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 58 đến câu 62.

哲学家把学生带到一片苹果树林，要求大家从树林的这头走到那头，每人挑选一个自己认为最大最好的苹果。但是摘苹果的时候，不许走回头路，不许选择两次。

在穿过苹果林的过程中，学生们认真细致地挑选自己认为最好的苹果。等大家来到苹果林的另一边时，哲学家已经在那里等候他们了。他笑着问学生：“你们挑到自己最满意的果子了吗？”大家你看看我，我看看你，都没有回答。

哲学家见状，又问：“怎么啦，难道你们对自己的选择不满意？”

“老师，让我们再选择一次吧。”一个学生请求说，“我刚走进果林时，就发现了一个很大很好的苹果，但我还想找一个更大更好的。当我走到果林尽头时，才发现第一次看到的那个就是最大最好的。”

另一个接着说：“我和他正好相反。我走进果林不久，就摘下一个我认为最大最好的果子，可是，后来我又发现了更好的。”

“老师，让我们再选择一次吧！”其他学生也不约而同地请求。

哲学家笑了笑，语重心长地说：“孩子们，这就是人生——人生就是一次无法重复的选择。”

面对无法回头的人生，我们只能做三件事：慎重的选择，争取不留下遗憾；如果遗憾了，就理智地面对它，然后争取改变；如果也不能改变，就勇敢地接受，不要后悔，继续朝前走。

(刘云主编《决胜30天——新汉语水平考试HSK五级仿真试题集》，北京语言大学出版社，2011.1)

Câu 58: 哲学家让大家：

- | | |
|-------------|------------|
| A. 穿过苹果林 | B. 去摘很多苹果 |
| C. 去摘最满意的苹果 | D. 帮别人挑选苹果 |

Câu 59: 下面哪个答案是学生们去摘苹果的条件？

- | | |
|------------------|------------------|
| A. 可以选择两次 | B. 可以走回头路 |
| C. 不可走回头路，可以选择两次 | D. 不可走回头路，不可选择两次 |

Câu 60: 对于摘到的苹果，大家的心情是：

- | | |
|-------|-------|
| A. 满意 | B. 生气 |
| C. 高兴 | D. 后悔 |

Câu 61: 大家想再选择一次是因为：

- | | |
|------------|-------------|
| A. 想要更多的苹果 | B. 很喜欢摘苹果 |
| C. 没有摘到苹果 | D. 错过了更好的苹果 |

Câu 62: 哲学家认为：

- | | |
|-------------|---------------|
| A. 人生不应留下遗憾 | B. 自己喜欢的就是最好的 |
| C. 要努力追求美好 | D. 人生不能重新选择 |

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 63: 他已经把 A 你 B 问的 C 一个问题 D 告诉别人了。 (那)

Câu 64: 我 A 等 B 了 C 他一 D 钟头了。 (个)

Câu 65: 为了提高学生的科研能力，A 我们 B 请来了 C 有经验的研究员，定期 D 对学生
进行培训。 (从国内一流大学)

Câu 66: 今天他 A 比我 B 来 C 十五分钟 D 。 (早)

Câu 67: 这个问题 A 你还得 B 我好好考虑，考虑好了 C 再给 D 你电话，好不好？ (让)

Câu 68: 他激动 A 说 B ：“我非常感谢 C 你们对我的帮助 D 。” (地)

Câu 69: 长 A 空 B 的文章 C 没人 D 要看。 (而)

Câu 70: A 我 B 很喜欢 C 吃南方的水果, D 榴莲和芒果。

(特别是)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 71 đến câu 80.

除了父母, 与我们关系最密切的就是兄弟姐妹了。兄弟姐妹在我们的一生中非常重要, 年长的兄姐可能是我们模仿(71)_____, 对我们的性格、品德、技能的形成, 影响很大。兄弟姐妹之间的排行也有影响。比如(72)_____, 由于没有兄弟姐妹与他分享父母的爱, 通常是父母生活的中心, 因此容易养成自我中心、不愿与别人分享和独立自主的(73)_____, 在与朋友相处时可能会发生困难。如果一个人(74)_____老大, 父母就对他的希望比较大, 会(75)_____注意和干涉他的行动, 花比较多的时间和精力来照顾他, 因此老大在语言、智力、学习成绩上占有优势。在性格上, 老大喜欢(76)_____, 处于领导地位、自尊心强。而排行中间的人一般有比较强的(77)_____交往和协调能力, (78)_____与别人相处, 性格比较积极乐观。如果一个人排行最小, 那么他在家庭中往往受到很多保护, 父母很少(79)_____他, 因此排行最小者一般比较(80)_____, 不太会交朋友, 也不会应付困难和挫折。

(《HSK 初中等, 最新模拟试题集》, 北京语言文化大学出版社, 2008 年)

Câu 71: A. 人

B. 榜样

C. 弟妹

D. 兄姐

Câu 72: A. 独生子女

B. 双胞胎

C. 女孩

D. 男孩

Câu 73: A. 任性

B. 性格

C. 心情

D. 思想

Câu 74: A. 排名

B. 排除

C. 排队

D. 排行

Câu 75: A. 立刻

B. 时时

C. 有空

D. 偶尔

Câu 76: A. 指挥别人

B. 自言自语

C. 能说会道

D. 自由自在

Câu 77: A. 人间

B. 人际

C. 国际

D. 人们

Câu 78: A. 善于

B. 可以

C. 敢于

D. 能够

Câu 79: A. 相信和支持

B. 夸奖和喜爱

C. 限制和干涉

D. 关心和照顾

Câu 80: A. 勇敢

B. 大胆

C. 胆小

D. 坚强

----- HẾT -----